

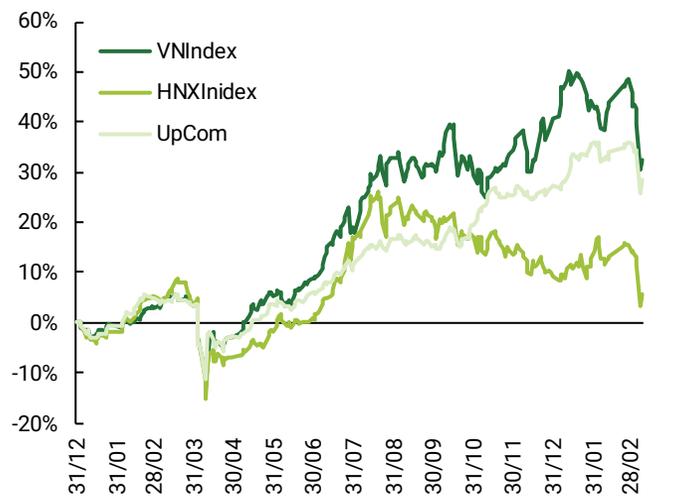
VN-Index **1676.73 (1.45%)**
1611 Tr. cổ phiếu 41867.5 Tỷ VND (1.63%)

HNX-Index **240.07 (2.00%)**
140 Tr. cổ phiếu 2971.1 Tỷ VND (-4.30%)

UPCOM-Index **122.25 (2.43%)**
56 Tr. cổ phiếu 923.7 Tỷ VND (-64.18%)

VN30F1M **1833.00 (3.79%)**
402,081 HD OI: 43,985 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1676.7, tăng +23.9 điểm (+1.45%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm trụ không đồng thuận khiến đà phục hồi của chỉ số bị thu hẹp. Áp lực chốt lời tăng mạnh tại các nhóm ngành tăng nóng gần đây khi đổi theo diễn biến địa chính trị, điển hình như ở nhóm Dầu khí. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: ACB (+6.7%), MBB (+6.8%), STB (+6.9%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+5.4%), VNM (+6.9%) | Tài nguyên Cơ bản: HSG (+3.6%), NKG (+3.7%), HPG (+6.9%) | Dịch vụ tài chính: DSE (+4.8%), EVF (+6.7%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: QCG (-3.9%), VIC (-2.6%), VRE (-1.6%) | Tiện ích: GAS (-7.0%), POW (-3.3%) | Dầu khí: PLX (-6.9%), BSR (-6.4%) | Hóa chất: GVR (-5.1%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VCB, CTG, MBB, HPG, BID - Chiều giảm | VIC, GAS, BSR, GVR, PLX
Khối ngoại: Mua ròng gần 1100 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, MWG, FPT, trong khi bán ròng STB, VIC, VPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nển sóng cao (High wave), cho thấy sự giảm co mạnh trong xu hướng. Sự thiếu đồng thuận ở nhóm dẫn dắt tạo nên bức tranh lệch pha này. Tuy nhiên, động lực tăng ở các trụ hiện đến từ phản ứng phục hồi kỹ thuật sau các phiên giảm mạnh trước đó, chưa hình thành xu hướng tăng mới. Trong bối cảnh diễn biến địa chính trị còn phức tạp, cùng với thiếu vắng chất xúc tác, thị trường khả năng tiếp tục rung lắc quanh vùng 1650 – 1700 điểm. Kháng cự trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1750 điểm, trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1620 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, lực cung cũng chi phối trong chiều hồi phục khiến chỉ số thu hẹp một phần đà tăng. Hiện kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh khu vực 245 – 250, trong khi hỗ trợ thấp hơn nằm tại ngưỡng 230.
- **Chiến lược:** Nhịp hồi nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp bán trước đó. Trường hợp đã đưa tài khoản về mức an toàn, NĐT nên theo dõi thêm phản ứng của thị trường tại các mốc hỗ trợ và kháng cự. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Tín hiệu dừng rơi được xác nhận khi có mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy, cùng với sự đồng thuận phục hồi từ mặt bằng chung cổ phiếu. Bên cạnh đó, các chuyển biến địa chính trị cần tiếp tục được theo dõi sát để có thêm định hướng về chuyển động dòng tiền.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua DGC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,676.7 ▲	1.4%	-7.5%	-4.4%	41,867.5 ▲	1.6%	-4.4%	47.1%	1,611.1 ▲	10.4%	23.3%	74.6%
HNX-Index	240.1 ▲	2.0%	-7.7%	-5.4%	2,971.1 ▼	-4.3%	0.3%	79.8%	139.9 ▼	-0.5%	19.3%	113.6%
UPCOM-Index	122.3 ▲	2.4%	-5.3%	-3.0%	923.7 ▼	-64.2%	-54.3%	-26.6%	56.3 ▼	-51.1%	-38.7%	-14.5%
VN30	1,837.0 ▲	3.2%	-6.2%	-5.9%	24,347.6 ▼	-8.5%	-0.8%	47.6%	696.5 ▼	-12.4%	21.4%	67.3%
VNMID	2,076.5 ➡	0.9%	-8.7%	-3.4%	14,162.0 ▲	22.3%	-7.1%	49.2%	654.4 ▲	53.8%	15.6%	65.5%
VNSML	1,384.9 ➡	0.5%	-7.9%	-5.5%	2,133.2 ➡	1.0%	-24.3%	71.8%	141.9 ▲	3.8%	8.4%	102.9%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	618.6 ▲	4.3%	-9.83%	-10.3%	11,591.5 ▼	-21.22%	23.6%	95.9%	495.1 ▼	-13.7%	37.8%	119.6%
Bất động sản	677.3 ▼	-1.0%	-12.1%	1.8%	3,847.7 ▼	-11.6%	-22.7%	38.4%	191.1 ▲	44.3%	20.5%	105.8%
Dịch vụ tài chính	310.6 ▲	1.9%	-9.8%	-1.5%	6,402.8 ▲	119.4%	5.4%	114.4%	274.2 ▲	125.0%	22.2%	145.3%
Công nghiệp	245.2 ▼	-3.0%	-11.0%	1.1%	2,116.6 ▲	16.0%	-20.8%	47.6%	65.1 ▲	14.1%	-17.2%	64.1%
Tài nguyên cơ bản	530.6 ▲	6.4%	-11.0%	-5.8%	2,847.0 ▼	-16.3%	30.6%	112.5%	119.2 ▼	-16.2%	33.9%	125.3%
Xây dựng - Vật Liệu	169.4 ➡	0.8%	-10.7%	-6.5%	1,776.3 ▲	64.1%	5.6%	77.8%	84.7 ▲	56.0%	16.4%	100.9%
Thực phẩm	490.2 ▲	3.5%	-17.1%	-33.1%	2,542.6 ▲	21.1%	10.1%	64.4%	58.2 ▲	18.9%	15.9%	81.9%
Bán Lẻ	1,493.3 ▲	4.4%	-14.5%	-13.3%	2,139.4 ▲	153.8%	42.7%	148.3%	30.1 ▲	150.2%	46.8%	158.3%
Công nghệ	426.9 ▲	4.3%	-14.8%	-22.5%	1,848.6 ▲	25.8%	0.3%	45.7%	26.0 ▲	8.2%	6.3%	65.0%
Hóa chất	193.7 ▼	-0.9%	-12.1%	-1.1%	2,451.9 ▼	-22.8%	3.2%	115.2%	58.4 ▼	-27.7%	-1.4%	104.9%
Tiện ích	839.8 ▼	-3.7%	-8.9%	-5.9%	1,190.7 ▲	9.2%	-30.8%	60.4%	58.6 ▲	75.4%	-6.5%	119.0%
Dầu khí	139.4 ▼	-6.0%	3.0%	28.8%	1,988.4 ▼	-33.5%	-26.9%	66.9%	50.6 ▼	-26.6%	-18.4%	66.3%
Dược phẩm	444.8 ▲	2.2%	-2.8%	-3.5%	58.3 ➡	0.9%	41.7%	61.9%	2.6 ▼	-43.8%	12.8%	107.2%
Bảo hiểm	110.5 ➡	0.4%	-12.1%	-7.1%	99.4 ▲	19.1%	13.3%	69.6%	2.5 ▼	-22.2%	19.6%	94.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,676.7 ▲	1.45%	-6.0%	15.1x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,406 ▲	1.65%	11.6%	15.8x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	7,441 ▲	1.41%	-13.9%	18.3x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,428 ▲	1.66%	1.0%	16.2x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,127 ▲	2.01%	1.2%	10.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,123 ▬	0.65%	3.9%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,960 ▲	2.17%	1.3%	13.2x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	54,248 ▲	2.88%	7.8%	20.8x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,796 ▬	0.83%	-0.7%	26.6x	5.3x
Dow Jones	Mỹ	47,741 ▬	0.50%	-0.7%	23.7x	5.5x
FTSE 100	Anh	10,426 ▲	1.72%	5.0%	16.2x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,835 ▲	2.64%	0.8%	17.0x	2.4x
DXY		98.7 ▼	-0.30%	0.4%		
USDVND		26,238 ▼	-0.14%	-0.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

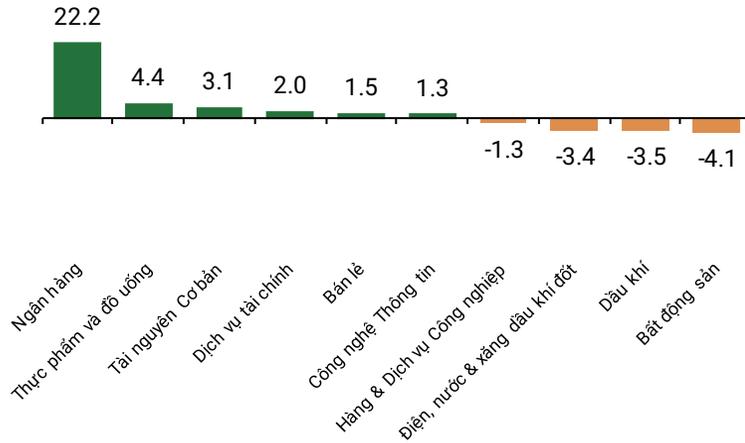
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-8.1%	32.2%	49.4%	31.3%
Dầu WTI	▼	-6.2%	39.0%	54.8%	34.7%
Khí gas	▬	0.2%	0.4%	-15.2%	-30.4%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-3.5%	2.2%
Thép HRC (*)	▬	0.6%	0.1%	-0.3%	-3.9%
PVC (*)	▼	-4.5%	5.5%	10.0%	2.6%
Phân Urea (*)	▬	0.8%	34.5%	60.1%	62.1%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	4.0%	10.7%	1.2%
Bông Cotton	▲	3.2%	5.9%	1.5%	-1.2%
Đường	▲	2.2%	2.1%	-4.0%	-23.6%
World Container Index	▲	3.1%	0.0%	-11.5%	-22.9%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-0.9%	76.0%	130.5%	245.1%
Vàng	▲	1.0%	3.3%	20.2%	79.7%
Bạc	▲	2.3%	10.1%	24.1%	177.0%

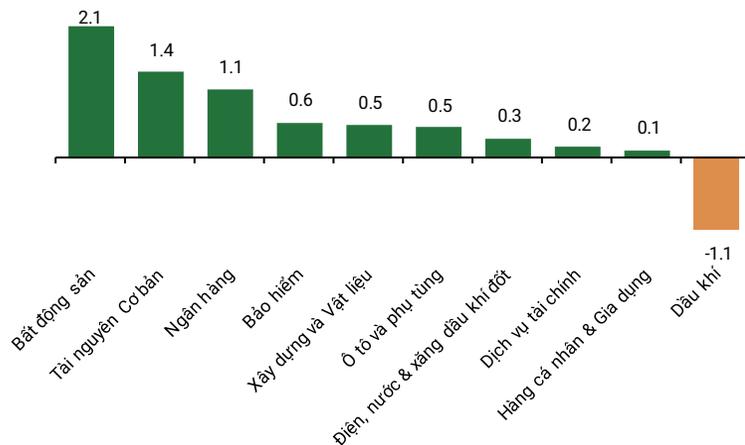
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

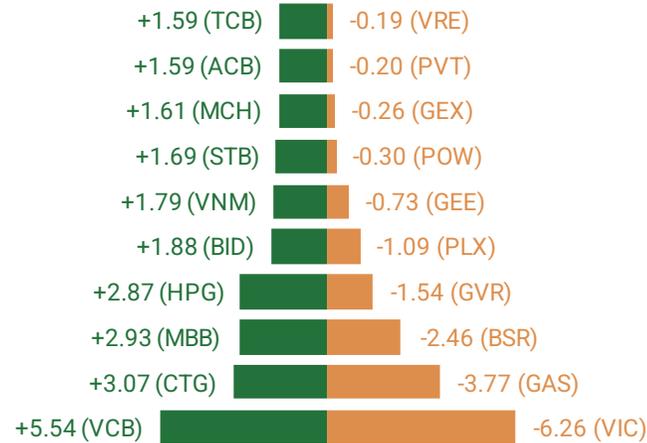
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



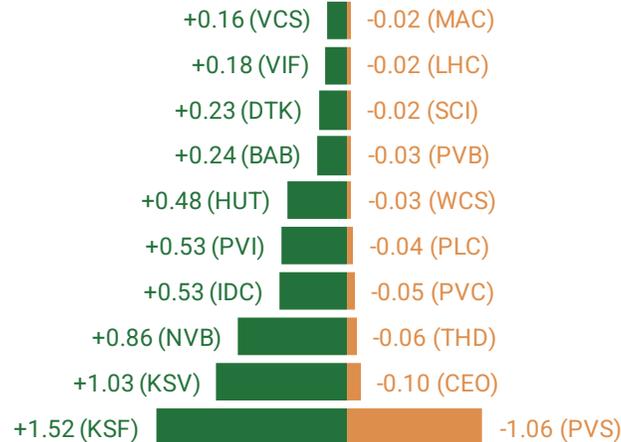
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

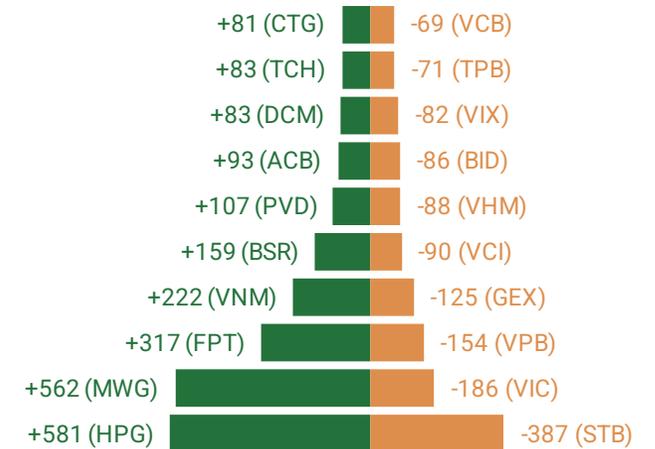


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

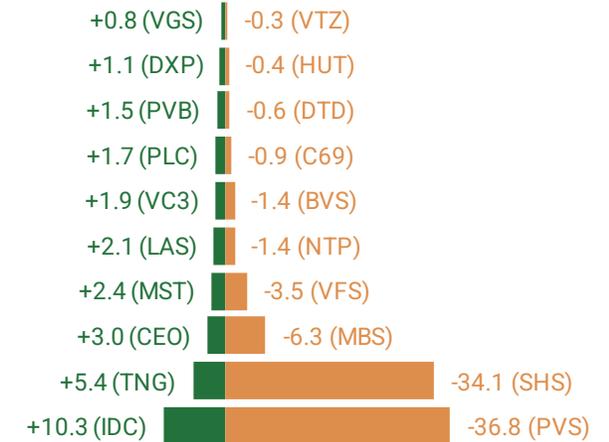


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

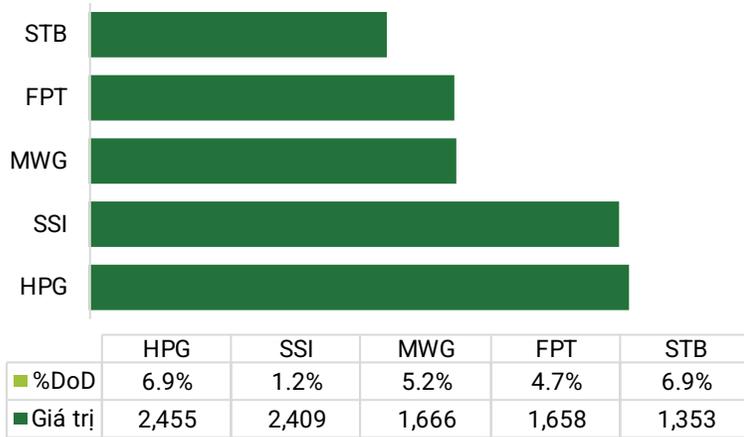
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



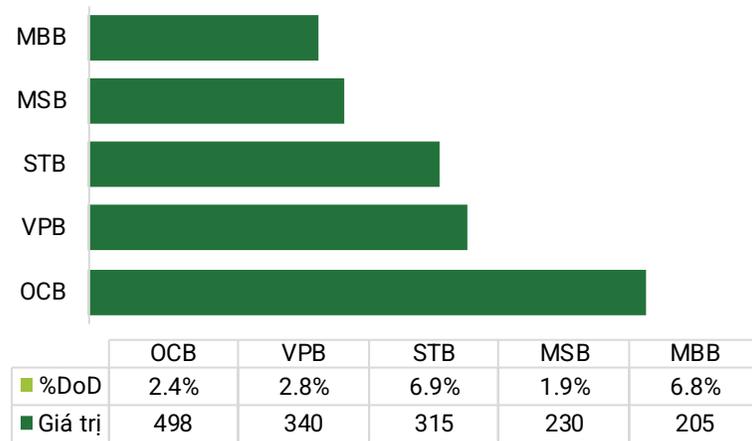
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

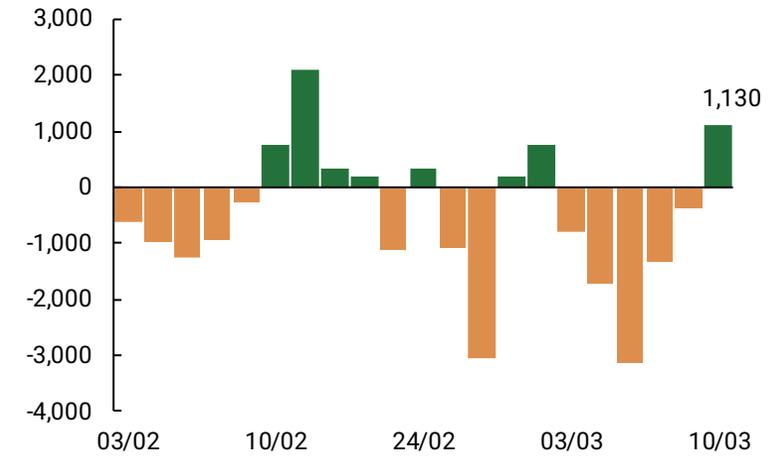


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

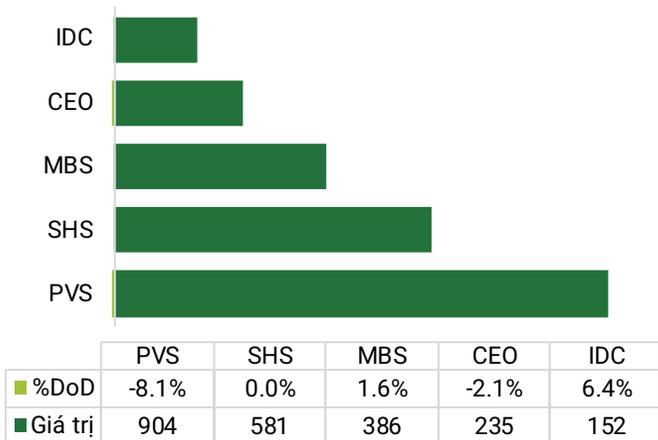


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

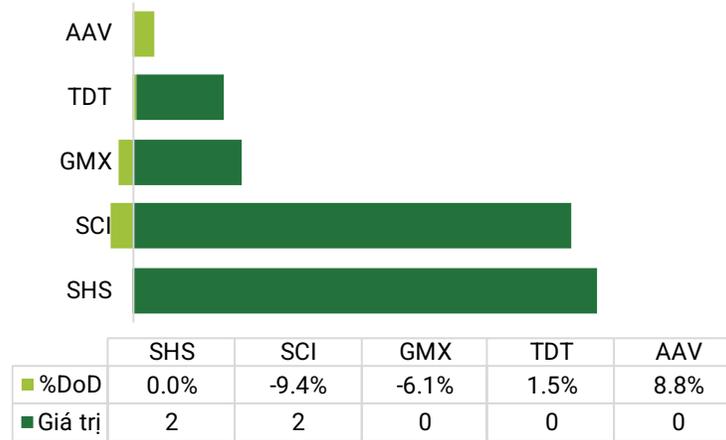
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



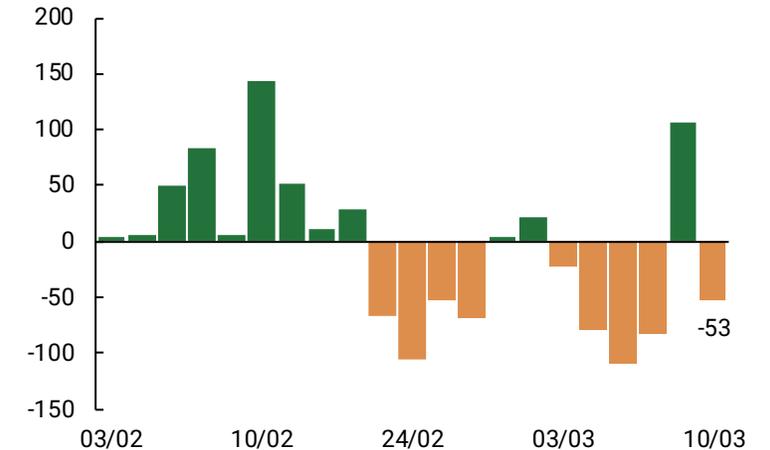
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)



STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DGC	BUY	Current price		75.9	P/E (x)	9.5
Exchange	HOSE		Action price	11/03	75 - 76	P/B (x)	1.9
Sector	Specialty Chemicals		Target price		84	EPS	7965.1
			Cut loss		70	ROE	21.3%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá duy trì nền ổn định.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giữ mức tăng trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- Tín hiệu tạo đáy và khả năng tiếp tục nhịp hồi.
 → Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DGC	Mua	11/03/2026	75.9	75 - 76	-	84.0	11.4%	70	-7.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1833, tăng 67 điểm (+3.8%). Giá mở cửa tạo "gap tăng" đầu phiên và giao dịch nghiêng về phục hồi. Dù lực cung có chi phối trong phiên chiều nhưng phe Long đã thắng thế hơn.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, Chỉ báo MACD và RSI cải thiện, bên cạnh mẫu hình nến tăng Marubozu có thể tiếp tục thúc đẩy nhịp hồi. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1840. Tuy nhiên lưu ý khu vực 1860 sẽ là cản mạnh trong chiều đi lên. Chỉ nên mở Long thêm nếu giá tiếp tục vượt trên ngưỡng 1865. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1816.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1738, tăng 51.6 điểm (+3.1%). Độ lệch basis 2.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 109 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1720 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1760 điểm.

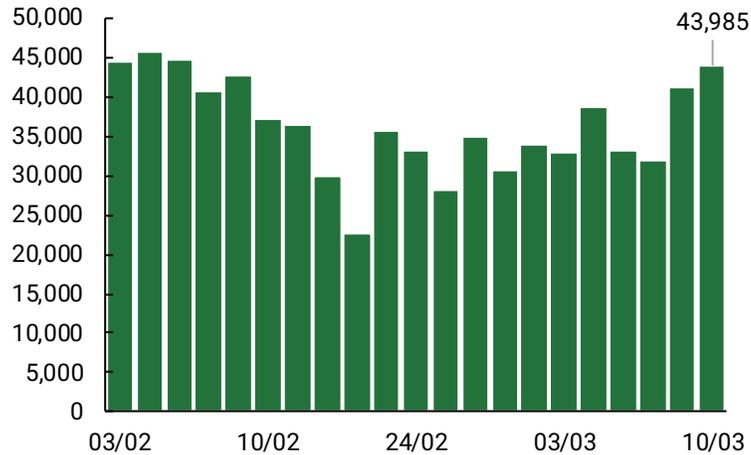
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1840	1855	1830	15 : 10
Long	> 1865	1890	1855	25 : 10
Short	< 1816	1802	1825	14 : 09

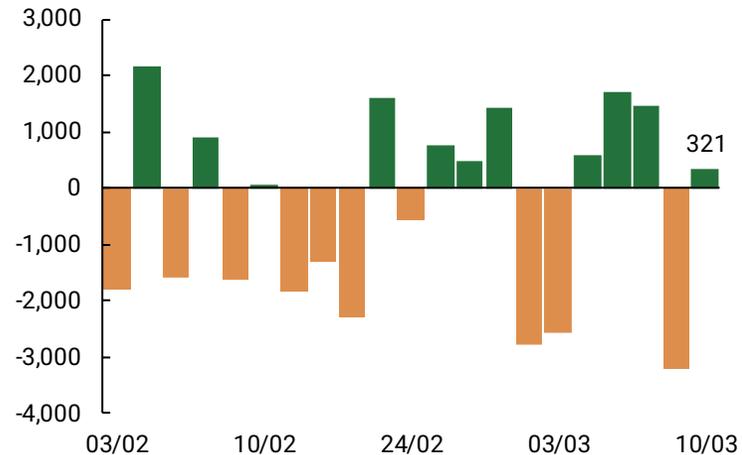
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,838.0	51.7	141	228	1,846.6	-8.6	17/09/2026	191
4111G6000	1,840.0	58.4	243	384	1,842.0	-2.0	18/06/2026	100
4111G4000	1,840.0	72.0	1,578	2,075	1,838.8	1.2	16/04/2026	37
4111G3000	1,833.0	67.0	402,081	43,985	1,837.4	-4.4	19/03/2026	9
4112G3000	1,738.0	51.6	109	51	1,741.1	-3.1	19/03/2026	9

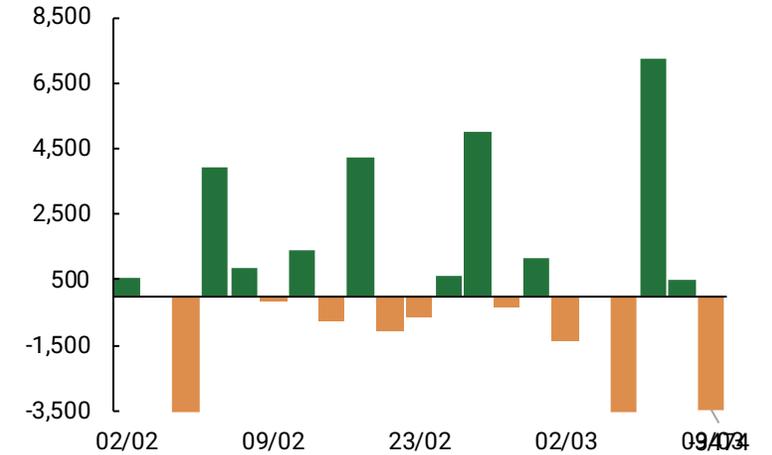
Khối lượng mở (Open interest)



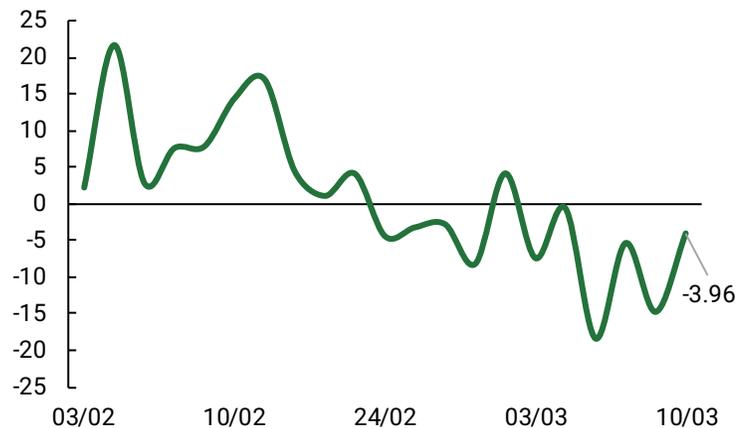
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



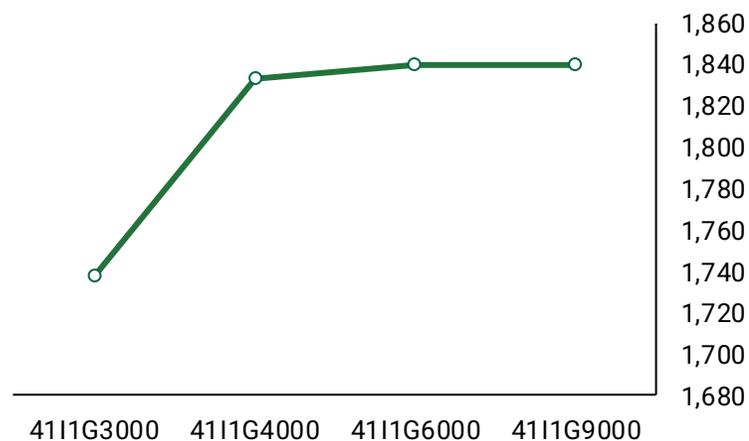
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



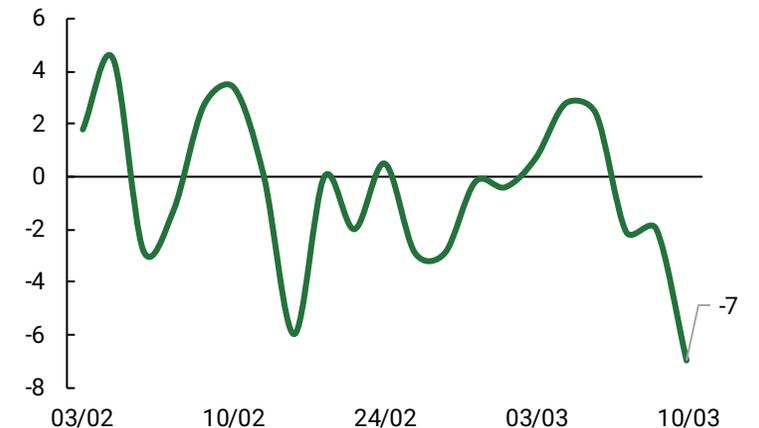
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/03 Vietnam & US – PMI Index
- 06/03 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/03 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 11/03 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 13/03 Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu
Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới
- 18/03 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 19/03 Mỹ - FED quyết định lãi suất
EU - ECB quyết định lãi suất
Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/03 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục
- 31/03 Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng

Chính thức giảm thuế nhập khẩu một số loại xăng dầu về 0%: Trước căng thẳng tại Trung Đông, để tăng nguồn cung và ổn định thị trường, Chính phủ ban hành Nghị định 72 sửa đổi thuế suất nhập khẩu ưu đãi (MFN) với một số mặt hàng xăng dầu và nguyên liệu đầu vào. Cụ thể, mức thuế suất MFN được giảm từ 10% xuống 0% với xăng động cơ không pha chì (như RON 95) và các nguyên liệu pha chế xăng. Thuế này cũng hạ từ 7% xuống 0% với dầu diesel, nhiên liệu máy bay. Ngoài ra, một số nguyên liệu pha chế xăng, hóa dầu như naphtha, reformate, condensate... cũng được giảm thuế về 0%.

Giá bán USD tự do vượt mốc 27,000 VND: Giá bán USD trên thị trường tự do sáng 10/03 có thời điểm đã vượt mốc 27,000 VND/USD và hiện đang giao dịch ở sát ngưỡng này. Trên kênh chính thức, tỷ giá trung tâm hôm nay được Ngân hàng Nhà nước niêm yết ở mốc 25,062 VND/USD, tăng 3 đồng so với mức niêm yết đầu tuần.

Iran nêu điều kiện để tàu thuyền đi qua Eo biển Hormuz: Theo tờ Tehran Times, IRGC cho biết bất kỳ quốc gia Arab hoặc châu Âu nào trực xuất đại sứ Israel và Mỹ khỏi lãnh thổ của mình sẽ được trao “toàn quyền tự do và thẩm quyền đi lại” qua eo biển Hormuz.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Con trai Chủ tịch Trần Đình Long đăng ký mua 50 triệu cổ phiếu HPG: Ông Trần Vũ Minh, con trai Chủ tịch Trần Đình Long, đăng ký mua 50 triệu cổ phiếu HPG từ 12/3 đến 10/4 theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Mục đích nhằm tăng tỷ lệ sở hữu cá nhân tại doanh nghiệp. Tính theo mệnh giá, giá trị của đợt giao dịch dự kiến ở mức 500 tỷ đồng. Trước mua, ông Minh nắm 176 triệu cổ phiếu (2.29% vốn), dự kiến tăng lên 226 triệu (2.95% vốn).

STB - Sacombank dự kiến đặt mục tiêu lợi nhuận 8,100 tỷ đồng năm 2026: Ngân hàng đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 10.2%, vượt 1 triệu tỷ đồng, tín dụng tăng 11.7%, huy động 10.2%, nợ xấu dưới 5%. Năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt 7,628 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch, nhưng quý IV lỗ 3,300 tỷ do tăng chi phí dự phòng, nợ xấu 6.41%. Dù thách thức, ngân hàng tăng trưởng quy mô tốt với tài sản 917,120 tỷ đồng, tín dụng 626,392 tỷ đồng, huy động 836,379 tỷ đồng và CASA ổn định. Năm 2026 tập trung củng cố chất lượng tài sản, quản trị, hướng đến phát triển bền vững.

TAL - Taseco Land có thể thu hơn 500 tỷ từ chuyển nhượng dự án tại đất vàng Tây Hồ Tây: Theo ước tính của Vietcap, Taseco Land có thể ghi nhận hơn 500 tỷ đồng lợi nhuận từ việc chuyển nhượng dự án TTTM Landmark 55 tại Khu đô thị Tây Hồ Tây. Khoản thu này được kỳ vọng đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2027.

PC1 - Tập đoàn muốn rút vốn khỏi một công ty bất động sản: Tập đoàn PC1 vừa công bố Nghị quyết HĐQT về việc chấm dứt khoản đầu tư tại CTCP Đầu tư Bất động sản CT2. Trước đó, PC1 đã đầu tư 300 tỷ đồng mua 49% cổ phần Bất động sản CT2 từ 2021, giữ nguyên giá trị đầu tư 5 năm. Trong khi đó, PC1 liên tục mở rộng sang năng lượng và hạ tầng, thành lập CTCP Điện mặt trời Điện Biên, PC1 Năng lượng Xanh và Khu công nghiệp PC1 - Hải Phòng cuối năm 2025. Hệ sinh thái hiện gồm 28 công ty con đa lĩnh vực.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415